

Số: 745/2025/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 10 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ
phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển giao Công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng;

Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025";

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Thực hiện Thông báo số 257-TB/TU ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 153/BC-KTNS ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung, công việc, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp kinh phí thì tiếp tục áp dụng quy định tại Nghị quyết số 295/2020/NQ-HĐND

ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên trước sắp xếp ban hành quy định nội dung và mức chi thực hiện đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình trước sắp xếp quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025; Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình trước sắp xếp quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao vệ tinh duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 295/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên trước sắp xếp; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình trước sắp xếp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, Kỳ họp thứ Ba mươi một nhất trí thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2025; có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học&Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBNDTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Công TTĐT đại biểu nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{VA}

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 745/2025/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 bao gồm các hoạt động: chuyển giao công nghệ; ứng dụng, đổi mới công nghệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ; nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, cơ sở ươm tạo, hợp tác xã, nhóm cá nhân và cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực được quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan khác trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, bình đẳng.

2. Các chính sách hỗ trợ chỉ áp dụng một lần trong một năm cho cùng một đối tượng và nội dung hỗ trợ tại quy định này.

3. Đối với mỗi nội dung hỗ trợ, tổ chức, cá nhân được lựa chọn một chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí nhà nước. Trường hợp tổ chức, cá nhân đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được lựa chọn một mức hỗ trợ có lợi nhất.

4. Đối tượng được hưởng hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết này nếu vi phạm nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ hoặc không có khả năng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thì phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ dự toán chi ngân sách nhà nước trong tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí chi phục vụ hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, Hội đồng thẩm định, xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 395/2023/NQ-HĐND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên trước sắp xếp quy định định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Đối với Hội đồng thẩm định, xét duyệt hồ sơ hỗ trợ thì áp dụng mức chi như đối với Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ khi đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Các khoản chi khác như chi quản lý, chi cho hội nghị, cuộc họp... thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ; ỨNG DỤNG, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Điều 4. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến

1. Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có trụ sở chính và thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư, hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Hình thức hỗ trợ

Doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này được lựa chọn một trong các hình thức hỗ trợ sau:

a) Hỗ trợ kinh phí trực tiếp thực hiện chuyển giao công nghệ sau khi hợp đồng chuyển giao công nghệ được thanh lý.

b) Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

Ngoài hưởng các ưu đãi đối với ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp được hưởng các mức hỗ trợ sau:

a) Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị dưới 1.000 triệu đồng: hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, tối đa 250 triệu đồng/hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị từ 1.000 triệu đồng trở lên: hỗ trợ 25% giá trị hợp đồng, tối đa 500 triệu đồng/hợp đồng

c) Hỗ trợ 100% kinh phí, tối đa 2.000 triệu đồng/nhiệm vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 5. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ

1. Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có trụ sở chính và thực hiện đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp thực hiện một trong các hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% kinh phí, tối đa 3.000 triệu đồng/nhiệm vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 6. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hoạt động giải mã công nghệ

1. Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có trụ sở chính và thực hiện hoạt động giải mã công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp thực hiện hoạt động giải mã công nghệ; công nghệ cần giải mã đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% kinh phí, tối đa 2.000 triệu đồng/nhiệm vụ khi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ được thành lập, chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BKHCN ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

c) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được chứng nhận theo quy định tại Luật Công nghệ cao.

2. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, được chứng nhận lần đầu là tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ được hỗ trợ 100 triệu đồng/Giấy chứng nhận.

b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 150 triệu đồng/Giấy chứng nhận.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ

1. Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ có trụ sở chính, cá nhân có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân có sản phẩm khoa học và công nghệ đã được đánh giá, nghiệm thu xếp loại mức đạt trở lên tham gia các hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở trong nước (thông qua các sự kiện như: Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart); diễn đàn cung-cầu công nghệ (TechDemo); sự kiện về công nghệ, thiết bị do Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức) hoặc ở nước ngoài (trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ...) theo văn bản giới thiệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sau khi tham gia.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tham gia xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở trong nước: 30 triệu đồng/sự kiện.

b) Hỗ trợ tham gia xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở nước ngoài: 150 triệu đồng/sự kiện.

Điều 9. Hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ các cấp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

1. Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp, hợp tác xã và cá nhân thực hiện ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu xếp loại đạt trở lên; có địa chỉ ứng dụng trên địa bàn tỉnh.

Ưu tiên ứng dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được đầu tư từ ngân sách của tỉnh.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ cụ thể được xác định căn cứ nhu cầu thực tế của từng hồ sơ, trên cơ sở kết quả thẩm định và ý kiến đánh giá, xét duyệt của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ. Cụ thể:

a) Hỗ trợ 100% tổng kinh phí thực hiện, tối đa 3.000 triệu đồng đối với các nhiệm vụ ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển lợi ích chung của cộng đồng.

b) Hỗ trợ 70% tổng kinh phí thực hiện, tối đa 1.500 triệu đồng đối với các nhiệm vụ ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp.

c) Hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực hiện, tối đa 2.000 triệu đồng đối với các nhiệm vụ ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu không thuộc các lĩnh vực nêu tại điểm a, điểm b khoản này.

Chương IV

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 10. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới

1. Đối tượng hỗ trợ

Là doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến chất lượng, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới quy định tại khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho doanh nghiệp sau khi thanh lý hợp đồng hoặc doanh nghiệp đã thực hiện xong nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều này.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch

vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Điều 11. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

1. Đối tượng hỗ trợ

Là doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho doanh nghiệp sau khi thanh lý hợp đồng hoặc doanh nghiệp thực hiện xong nội dung quy định tại điểm a, điểm b, khoản 4 Điều này.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng

Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

Điều 12. Hỗ trợ doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải Vàng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương

1. Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp có hồ sơ đăng ký tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia theo quy định tại Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải Vàng Chất lượng Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương do Tổ chức Chất lượng Châu Á- Thái Bình Dương chứng nhận.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho doanh nghiệp sau khi đạt giải.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

- a) Đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: 30 triệu đồng.
- b) Đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia: 50 triệu đồng.
- c) Đạt Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 100 triệu đồng.

Chương V

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 13. Hỗ trợ tham gia sự kiện ngày hội khởi nghiệp và cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh; doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh tham gia ngày hội khởi nghiệp công nghệ (Techfest).

b) Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp (đối với doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) tham gia cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do tỉnh Hưng Yên tổ chức.

2. Điều kiện hỗ trợ

Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp có giấy xác nhận của Ban tổ chức đã tham gia ngày hội khởi nghiệp công nghệ (Techfest) hoặc đạt giải trong cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp sau khi được cấp giấy xác nhận tham gia ngày hội khởi nghiệp công nghệ (Techfest) hoặc cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện ngày hội khởi nghiệp công nghệ (Techfest): 30 triệu đồng/lần tham gia.

b) Chi giải thưởng cho cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp có ý tưởng đạt giải trong cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do tỉnh Hưng Yên tổ chức với các mức như sau: 40 triệu đồng/giải nhất; 30 triệu đồng/giải nhì; 20 triệu đồng/giải ba; 10 triệu đồng/giải khuyến khích.

c) Chi giải thưởng cho cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp có giải pháp, mô hình, đề tài đã có sản phẩm đạt giải trong cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do tỉnh Hưng Yên tổ chức với các mức như sau: 80 triệu đồng/giải nhất; 60 triệu đồng/giải nhì; 40 triệu đồng/giải ba; 20 triệu đồng/giải khuyến khích.

Số lượng các giải thưởng thực hiện theo quy định tại Thẻ lệ (hoặc Điều lệ) tổ chức các cuộc thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Hỗ trợ hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Đối tượng hỗ trợ

Cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh, doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

Các cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh, doanh nghiệp sau khi hoàn thành các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyên gia, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử

nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh. Trong đó:

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: hỗ trợ 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: hỗ trợ 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh, mức hỗ trợ cụ thể: 15 triệu đồng/chuyên gia/ khóa đào tạo dưới 30 ngày, 40 triệu đồng/chuyên gia/khóa đào tạo từ 30 ngày trở lên.

Điều 15. Hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Đối tượng hỗ trợ

Cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Đối tượng thuộc phạm vi hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung sau khi thực hiện dự án nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và hợp đồng được thanh lý.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: đối với tổng giá trị các hợp đồng đầu tư dưới 1.000 triệu đồng/dự án, hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng, tối đa 300 triệu đồng/dự án; đối với tổng giá trị các hợp đồng đầu tư từ 1.000 triệu đồng trở lên/dự án, hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, tối đa đến 1.000 triệu đồng/dự án.

Điều 16. Hỗ trợ đối với hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Đối tượng hỗ trợ

Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông và dự toán kinh phí được lập theo quy định hiện hành.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ theo hình thức giao dự toán trực tiếp cho cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của tỉnh Hưng Yên theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 17. Hỗ trợ đối với hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp

1. Đối tượng hỗ trợ

Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ thực hiện các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này.

Chuyên gia trong nước phải đạt yêu cầu về trình độ năng lực theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ theo hình thức giao dự toán trực tiếp cho cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm trong nước, khu vực và thế giới: Thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh. Trong đó:

Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ

chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ).

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 50% kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước: đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia tối đa không quá 10 triệu đồng/chuyên gia/chương trình.

Điều 18. Hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp khởi nghiệp đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đạt giải tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, vùng, cấp quốc gia hoặc quốc tế.

b) Được cấp Giấy chứng nhận, văn bằng bảo hộ đối với sáng kiến, sáng chế.

c) Được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

3. Hình thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua hình thức trực tiếp.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác,

thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): tối đa 80 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tối đa đến 1.000 triệu đồng/doanh nghiệp.

Điều 19. Công tác quản lý hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ tổ chức hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ theo hình thức giao dự toán trực tiếp cho cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện: thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền của tỉnh phê duyệt.

b) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

c) Chi tổ chức xét chọn và chấm giải thưởng

Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm công trình, giải pháp, đề tài dự thi: tối đa 02 triệu đồng/công trình, giải pháp, đề tài; thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

Chi chế độ họp Hội đồng giám khảo: Chủ tịch Hội đồng 1 triệu đồng/người/buổi; Ủy viên, thư ký 500.000 đồng/người/buổi.

Chi thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Ban Thư ký trong thời gian tổ chức cuộc thi theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Ban Tổ chức 3 triệu đồng/người/tháng; Ban Thư ký 2 triệu đồng/người/tháng.

Chương VI**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI SỐ****Điều 20. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số****1. Đối tượng hỗ trợ**

Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP;

b) Thực hiện các giải pháp chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho doanh nghiệp sau khi hợp đồng được thanh lý.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh, tối đa 100 triệu đồng/hợp đồng đối với doanh nghiệp nhỏ, tối đa 200 triệu đồng/hợp đồng đối với doanh nghiệp vừa.

b) Hỗ trợ 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh tối đa 70 triệu đồng/hợp đồng đối với doanh nghiệp nhỏ và tối đa 120 triệu đồng/hợp đồng đối với doanh nghiệp vừa.

Điều 21. Hỗ trợ cước thuê bao vệ tinh duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh**1. Đối tượng hỗ trợ**

Doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân là chủ tàu cá đăng ký tại tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Chủ tàu cá đáp ứng các điều kiện sau:

a) Chủ tàu cá đăng ký tại tỉnh Hưng Yên và có đầy đủ các loại giấy tờ còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; Giấy phép khai thác thủy sản; Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá.

b) Tàu cá đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, có Hợp đồng thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá được ký kết giữa chủ tàu cá với đơn vị cung cấp dịch vụ còn thời hạn kèm theo hóa đơn cung cấp dịch vụ.

c) Thiết bị giám sát hành trình lắp trên tàu cá phải duy trì tín hiệu kết nối liên tục 24/24 giờ theo đúng quy định tại điểm g khoản 3 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (trừ trường hợp bất khả kháng).

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho chủ tàu cá.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% theo Hóa đơn giá trị gia tăng cước thuê bao vệ tinh duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình tàu cá hàng năm (không bao gồm các dịch vụ phát sinh khác) nhưng tối đa 02 triệu đồng/tàu/năm./.
